

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN - CAO BẰNG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lục Thị Út.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bằng.
2. Bà Nguyễn Thị Út .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Bích Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Mã Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình D (tên gọi khác: Không); sinh ngày 16 tháng 6 năm 1960 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông Nguyễn Đình D1 (Đã chết) và bà Ngô Thị N, sinh năm 1938; Có vợ là Hoàng Thị Y, sinh năm 1961 và 04 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Không); sinh ngày 02 tháng 02 năm 1982 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1961; Có chồng là Ngô Văn T, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Văn D2, sinh năm 1953; Vắng mặt.

2. Ông Lê Văn G, sinh năm 1963; Vắng mặt.

3. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

4. Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1956; Vắng mặt.

5. Ông Bé Hồng T1, sinh năm 1960; Vắng mặt.

6. Ông Lê Hưng G1, sinh năm 1957; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Lê Hưng G1, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu L (Đã chết)

2. Bà Đặng Thị D3, sinh năm 1938 (Vợ của ông Nguyễn Hữu L). Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976. (Con của ông Nguyễn Hữu L). Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970. (Con của ông Nguyễn Hữu L). Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

5. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1972. (Con của ông Nguyễn Hữu L). Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

6. Ông Nguyễn Hữu L3, sinh năm 1973 (Con của ông Nguyễn Hữu L - Đã chết).

7. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1980. (Con của ông Nguyễn Hữu L). Vắng mặt.

Địa chỉ: Phố A, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người phiên dịch: Bà Mã Thị O, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2022, gia đình các ông Lê Văn D2, Lê Văn G, Lê Văn N1, Lê Ngọc Q, Bé Hồng T1, Lê Hưng G1 cùng nhau góp tiền để xây hàng rào bao quanh khu mộ tổ tại khu vực đồi V – Mạ Nộn thuộc xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng để tránh việc gia súc đi vào làm hư hỏng khu mộ. Đến tháng 6/2022 công trình được hoàn thành với chi phí là 29.000.000,đ (Hai mươi chín triệu đồng) bao gồm cả tiền công xây dựng và vật liệu xây dựng. Khoảng tháng 12/2022, Nguyễn Thị H đến khu vực đồi V – Mạ Nộn thuộc xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng để lấy củi thì phát hiện có 02 (Hai) ngôi mộ đã được xây hàng rào bao quanh chiếm ra nhiều đất rừng do gia đình quản lý từ trước đến nay. Sau đó H đã đi về nhà nói cho bố đẻ là ông Nguyễn Đình D biết sự việc trên. Sau khi nghe H nói vậy, ông D và H đến khu rừng có mộ để xem xét thì thấy đúng như lời H kể. D nói với H “Để xem gia đình họ đến nói chuyện như thế nào đã” rồi đi về nhà. Khoảng đầu tháng 3 năm 2023, D không thấy ai đến nói chuyện nên bảo H đi mua hoa quả, bánh kẹo, hương và cầm theo 01 búa tạ bằng kim loại kích thước dài 13cm, rộng 06cm, cao 06cm, có cán làm bằng gỗ màu nâu đen hình trụ dài 74cm, đường kính 2,5cm của gia đình rồi cùng H đi vào rừng. Đến nơi D và H cùng bày hoa quả, bánh kẹo và thắp hương cho hai ngôi mộ, rồi thay nhau dùng búa tạ đập phá các bức tường rào bao xung quanh ngôi mộ. Trong khoảng thời gian từ 08 giờ đến 13 giờ cùng ngày, D và H phá được toàn bộ 03 bức tường (Một bức tường phía trước ngôi mộ và hai bức tường bên cạnh mộ), còn bức tường phía sau ngôi mộ do có chỗ để bát hương ở giữa nên chỉ đập phá 02 góc nhỏ tiếp giáp với hai bức tường bên cạnh. Phá xong D và H mang theo búa tạ đi về nhà. Khoảng đầu tháng 4 năm 2023, ông Bé Hồng T1 đến khu mộ để chuẩn bị cho việc thanh minh của gia đình thì phát hiện các hàng rào xây bao quanh khu mộ đã bị đập phá không rõ nguyên nhân, nên đã làm đơn trình báo đến Công an xã Đ để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Khu mộ tổ của gia đình các ông Lê Văn D2, Lê Văn G, Lê Văn N1, Lê Ngọc Q, Bé Hồng T1, Lê Hưng G1 nằm trong thửa đất số 347, tờ bản đồ GĐLN, diện tích 29.200m², mục đích sử dụng RTS được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 888576 ngày 17 tháng 02 năm 2004 cho hộ ông Nguyễn Hữu L, địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hiện nay do anh Nguyễn Văn T2 con trai của ông Nguyễn Hữu L quản lý, sử dụng. Còn hộ ông Nguyễn Đình D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số X 888571 ngày 17 tháng 02 năm 2004 đối với thửa đất số 452, tờ bản đồ số GĐLN, diện tích 17.500m², mục đích sử dụng RTnP.

Sau khi được nhà nước giao đất, gia đình ông Nguyễn Hữu L không có người canh tác, sử dụng nên đã tạm giao đất cho Nguyễn Đình D là cháu họ quản lý, sử dụng cho đến nay. Việc ông L để Nguyễn Đình D quản lý, sử dụng đất không có giấy tờ, hợp đồng chuyển nhượng hoặc tặng cho, đồng thời con trai ông L là Nguyễn Văn T2 không biết việc bố ông cho gia đình ông D quản lý, sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi xảy ra sự việc anh T2 mới được mẹ kể lại đó là đất của gia đình, bố ông tạm giao cho ông D sử dụng. Trên phần đất có hai ngôi mộ tổ của gia đình ông Bé Hồng T1 và các gia đình khác trong họ được chôn cất từ năm 1905. Do nghĩ đất của tổ tiên để lại nên đầu năm 2022, ông T1 cùng các gia đình trong họ đã góp tiền xây mộ và xây tường rào bao quanh khu mộ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-ĐGTS ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện H kết luận: 01 tường rào dài 10,53m, cao 1,2m, rộng 12m, tường có 02 trụ vuông kích thước 120x40x40cm; 01 tường rào dài 13,1m, cao 1,2m, rộng 12m, tường có 03 trụ vuông, kích thước 120x40x40cm; 01 tường rào dài 13,1m, cao 1,2m, rộng 12m, tường có 02 trụ vuông kích thước 120x40x40cm; 01 tường rào bị đập phá 02 góc nhỏ nối tiếp với tường hai bên cạnh, góc 1 dài 1,4m, cao 1,07m, rộng 12cm, góc 2 dài 2,3m, cao 0,7m, rộng 12cm. Tổng giá trị của các phần tường rào xây gạch xi măng bị phá hủy là 8.453.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Lê Hưng G1 trình bày: Ông và các hộ gia đình khác không quen biết gia đình ông Nguyễn Hữu L và gia đình các bị cáo. Khu mộ tổ của gia đình ông và các hộ gia đình trong họ đã được chôn cất từ năm 1905, gia đình ông và các gia đình trong họ đã quản lý, sử dụng từ những đời trước cho đến nay. Trước đây, hai ngôi mộ chưa xây dựng, đến đời các ông đã cùng nhau góp tiền xây dựng hai ngôi mộ và tường rào bao quanh để tránh gia súc phá hoại. Nhưng vừa xây xong một thời gian ngắn, đến tháng 3 năm 2023 bị các bị cáo phá hoại 03 bức tường rào bên cạnh, còn bức tường có chỗ để bát hương bị đập phá hai đầu. Ông và các gia đình khác không biết khu đất đó được nhà nước giao cho ai quản lý, sử dụng. Gia đình các ông cũng chưa liên hệ với các cơ quan chuyên môn để kê khai, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu vực chôn cất mộ của gia đình các ông. Nay ông yêu cầu các bị cáo phải xây lại tường rào xung quanh khu mộ như ban đầu, ông không nhất trí để các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại là 8.453.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông là con trai của ông Nguyễn Hữu L, trước đây ông chỉ biết gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

thửa đất số 347, tờ bản đồ GĐLN, diện tích 29.200m², mục đích sử dụng RTS, ông không biết bố ông tạm để cho gia đình ông **Nguyễn Đình D** quản lý, sử dụng. Sau khi vụ án xảy ra mẹ ông mới kể cho ông biết việc để ông **D** quản lý, sử dụng đất của gia đình ông. Ông cũng không hề biết gia đình các bị hại xây dựng ngôi mộ và tường rào bao quanh khu mộ trên đất của ông, giữa gia đình ông và gia đình các bị hại từ trước đến nay không có sự thỏa thuận về việc cho mượn đất liên quan đến khu mộ tổ của gia đình các bị hại. Căn cứ theo bản đồ đo đạc hiện trạng ngày 09/5/2023 của **Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh C** xác định diện tích khu mộ tổ của gia đình các bị hại theo tường xây hiện nay là 164,9m² thuộc thửa đất số 347, tờ bản đồ GĐLN, gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 2004. Nay ông không yêu cầu gia đình các bị hại di dời hai ngôi mộ ra khỏi thửa đất của gia đình ông, tuy nhiên ông đề nghị gia đình các bị hại thu hẹp tường rào bao quanh khu mộ theo đúng hiện trạng như trước đây chưa xây hai ngôi mộ, không được xây tường rào bao quanh chiếm ra xung quanh với diện tích như phần móng hiện nay. Ngoài ra ông không có ý kiến nào khác.

Vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án gồm: 01 (Một) chiếc búa tạ bằng kim loại, kích thước: 13 x 06cm, có cán làm bằng gỗ dài 74cm, đường kính 2,5cm. Búa đã bị rỉ sét, cán gỗ bị nứt dọc một bên (cũ đã qua sử dụng).

Bản cáo trạng số: 37/CT – VKS.HA, ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Đình D**, **Nguyễn Thị H** về tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Đình D**, **Nguyễn Thị H** phạm tội "Hủy hoại tài sản" và xử phạt các bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 89, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị HĐXX tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc búa tạ bằng kim loại, kích thước: 13 x 06cm, có cán làm bằng gỗ dài 74cm, đường kính 2,5cm. Búa đã bị rỉ sét, cán gỗ bị nứt dọc một bên (cũ đã qua sử dụng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1, đề nghị HĐXX xử miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Đình D vì bị cáo D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử, buộc các bị cáo xây lại tường rào xung quanh khu mộ như khi các bị cáo chưa đập phá, không nhất trí để các bị cáo bồi thường về giá trị tài sản bị thiệt hại. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị H không nhất trí với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, các bị cáo đề nghị được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo đã thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo thật sự ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất, các bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, người tham gia tố tụng cung cấp; hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về chứng cứ, tài liệu, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại đã được thẩm tra tại phiên tòa, các chứng cứ của vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ, đồ vật tài liệu, biên bản định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng đầu tháng 3 năm 2023, **Nguyễn Đình D** cùng con gái là **Nguyễn Thị H** đã dùng búa tạ đập phá hoàn toàn 03 bức tường (02 bức tường cạnh, 01 bức phía trước) và 02 góc nhỏ tiếp giáp với tường hai bên cạnh khu mộ tổ của các hộ gia đình ông **Lê Văn D2**, ông **Lê Văn G**, ông **Lê Văn N1**, ông **Lê Ngọc Q**, ông **Bế Hồng T1**, ông **Lê Hưng G1** được xây dựng trên thửa đất số 347, tờ bản đồ GĐLN, có diện tích 29.200m² của hộ gia đình ông **Nguyễn Hữu L**. Gây thiệt hại trị giá tài sản là 8.453.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, Bản cáo trạng số 37/CT-VKSHA ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố, cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi các bị cáo đã thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện là nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo không chỉ gây thiệt hại về vật chất của gia đình các bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng tham gia phá hoại các bức tường rào bao quanh khu mộ, không có sự phân công nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và đều là người thực hành.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5.1] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo **D** có bố đẻ, bị cáo **H** có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên cả hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo **có nơi cư trú rõ ràng**, đảm bảo điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và có khả năng tự cải tạo. Việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vẫn đảm bảo giáo dục các bị cáo để các bị cáo có cơ hội nhìn nhận sai lầm, sửa chữa, cải tạo bản thân trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa chung. Hình phạt và mức án đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Bị hại yêu cầu các bị cáo xây lại các bức tường rào đã bị phá hủy như ban đầu, không nhất trí cho các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo giá trị bị thiệt hại là 8.453.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Các bị cáo không nhất trí xây lại các bức tường rào bao quanh khu mộ đã phá vì gia đình các bị hại đã xây tường rào chiếm ra đất của gia đình các bị cáo được ông **Nguyễn Hữu L** tạm giao quản lý, sử dụng. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại theo giá trị tài sản bị thiệt hại và đề nghị gia đình các bị hại xây tường rào bao quanh khu mộ thu hẹp vào sát khu mộ như khi chưa xây mộ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo và bị hại không thỏa thuận được mức và hình thức bồi thường; Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị hại không phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự nên không chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị thiệt hại là 8.453.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*) cho các bị hại.

Trong vụ án này không xác định được thiệt hại của từng bị cáo gây ra, cả hai bị cáo đều là người thực hành nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 587 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau cho các bị hại, cụ thể: Bị cáo **Nguyễn Đình D** phải bồi thường số tiền 4.226.500 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng*), bị cáo **Nguyễn Thị H** phải bồi thường số tiền 4.226.500 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn T2** tại phiên tòa là không yêu cầu các bị hại di dời hai ngôi mộ mà đề nghị các bị hại xây tường rào sát vào hai ngôi mộ như khi chưa xây, anh không đồng ý để các bị hại xây tường rào bao quanh khu mộ với diện tích như kết quả đo đạc của **Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh C** trong vụ án này. Người đại diện theo ủy quyền của các bị hại không nhất trí với ý kiến của anh **T2**, vì lý do hai ngôi mộ tổ của gia đình các bị hại đã chôn cất từ lâu đời, đất đó là của gia đình các bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được người đại diện theo ủy quyền của các bị hại nhất trí, nếu sau này phát sinh tranh chấp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về việc xử lý vật chứng 01 (Một) chiếc búa tạ bằng kim loại, kích thước: 13 x 06cm, có cán làm bằng gỗ dài 74cm, đường kính 2,5cm. Búa đã bị rỉ sét, cán gỗ bị nứt dọc một bên (cũ đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Đình D** là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và đã có đơn xin miễn án phí đúng quy định nên được miễn án phí, bị cáo **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về Tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Đình D**, **Nguyễn Thị H** phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

2. Về Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình D** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Các bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng** để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các Bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 8.453.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*) cho các bị hại, cụ thể: Bị cáo **Nguyễn Đình D** phải bồi thường số tiền 4.226.500 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng*), bị cáo **Nguyễn Thị H** phải bồi thường số tiền 4.226.500 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc búa tạ bằng kim loại, kích thước: 13 x 06cm, có cán làm bằng gỗ dài 74cm, đường kính 2,5cm. Búa đã bị rỉ sét, cán gỗ bị nứt dọc một bên (cũ đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện phạm tội.

Xác nhận số vật chứng hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên

bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòa An số 48 ngày 31/8/2023.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình D được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Hòa An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an huyện Hòa An;
- Chi cục THA DS huyện Hòa An;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thị Út

